

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ĐỒNG LIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03 /TB-UBND

Đồng Liên, ngày 5 tháng 1 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

UBND xã Đồng Liên thông báo về việc niêm yết công khai dự toán thu, chi NSNN năm 2024, cụ thể như sau:

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

Trên đây là công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Liên./.

*Nơi nhận:*

- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



Số 04/QĐ-UBND

Đồng liên, ngày 5 tháng 1 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG LIÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;*

Xét đề nghị của Công chức tài chính kế toán, công chức văn phòng - Thống kê UBND xã;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024  
(Có biểu chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Văn phòng HĐND&UBND xã, Ban tài chính, bộ phận Kế toán – tài chính, các bộ phận chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Tạ Văn Phin**

Thái Nguyên

Cục Tin học và Thống kê Tài chính-Bộ Tài chính  
UBND xã Đông Liên

Biểu số 108/CK TC-NSNN

**CÁN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	5.904.048.985	Tổng chi	6.134.645.000
I. Các khoản thu 100%	47.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	297.352.000	II. Chi thường xuyên	6.134.645.000
III. Thu chuyển nguồn	0	III. Dự phòng	119.860.000
IV. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.559.696.985		
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.559.696.985		
- Bổ sung có mục tiêu	0		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hường và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phần chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Bộ phận tài chính, kế toán xã

*Trang*

Nguyễn Huyền Trang

Ngày 5 tháng 1 năm 2024

TM. UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Văn Phin

## TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND quyết định)

Đơn vị tính: đồng

	Dự toán năm n	
	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2
<b>Tổng số thu</b>	<b>5.964.696.985</b>	<b>5.904.048.985</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>47.000.000</b>	<b>47.000.000</b>
- Phí, lệ phí	43.000.000	43.000.000
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
- Thu khác	4.000.000	4.000.000
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>358.000.000</b>	<b>297.352.000</b>
1. Các khoản thu phân chia	109.000.000	109.000.000
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	55.000.000	55.000.000
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000.000	10.000.000
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	44.000.000	44.000.000
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	249.000.000	188.352.000
- Thuế giá trị gia tăng	66.000.000	57.024.000
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	31.000.000	
- Thuế thu nhập cá nhân từ đất	152.000.000	131.328.000
<b>III. Thu nguồn CCTL</b>		
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>		
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.559.696.985</b>	<b>5.559.696.985</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.559.696.985	5.559.696.985
- Bổ sung có mục tiêu		

## TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND quyết định)

Đơn vị tính: đồng

Khuôn mục A	Dự toán năm n		
	Tổng số 1	ĐTPT 2	TX 3
<b>Tổng chi ngân sách xã</b>	<b>6.134.645.000</b>		<b>6.134.645.000</b>
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	740.960.840		740.960.840
- Chi dân quân tự vệ	494.280.840		494.280.840
- Chi trật tự an toàn xã hội	246.680.000		246.680.000
2. Chi giáo dục			
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
4. Chi y tế			
5. Chi văn hóa, thông tin	99.000.000		99.000.000
6. Chi phát thanh, truyền hình			
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000
8. Chi bảo vệ môi trường			
9. Chi các hoạt động kinh tế			
- Giao thông			
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản			
- Thị chính			
- Thương mại, du lịch			
- Các hoạt động kinh tế khác			
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.793.846.160		4.793.846.160
Trong đó: Quỹ lương			
10.1. Quản lý Nhà nước	2.292.025.520		2.292.025.520
10.2. Hội đồng nhân dân	444.449.440		444.449.440
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	718.513.600		718.513.600
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	394.495.040		394.495.040
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	167.488.320		167.488.320
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	222.784.960		222.784.960
10.7. Hội Cựu chiến binh	202.366.080		202.366.080
10.8. Hội Nông dân	178.427.200		178.427.200
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	40.016.000		40.016.000
10.10. Hội Người cao tuổi	30.580.000		30.580.000
10.11. Hội khuyến học	20.440.000		20.440.000
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	82.260.000		82.260.000
11. Chi cho công tác xã hội	278.528.000		278.528.000
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	213.048.000		213.048.000
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			
- Trợ cấp xã hội			
- Khác	65.480.000		65.480.000
12. Chi khác			
13. Dự phòng	119.860.000		119.860.000
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	77.450.000		77.450.000

**KẾ HOẠCH THU CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC**

(Dự toán đã được HĐND quyết định)

Năm 2024

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM (năm sau)		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)
A	1	2		4	5	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>24.000.000</b>	<b>24.000.000</b>				
<b>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</b>	<b>24.000.000</b>	<b>24.000.000</b>				
+ Quỹ vì người nghèo	8.000.000	8.000.000				
+ Quỹ đền ơn đáp nghĩa	8.000.000	8.000.000				
+ Quỹ vì trẻ thơ	8.000.000	8.000.000				
<b>2. Các hoạt động sự nghiệp</b>	<b>29.870.000</b>	<b>29.870.000</b>				
Trung tâm học tập cộng đồng	29.870.000	29.870.000				